

**MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
VỚI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG
NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2024/CBTT-SBD

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Công Nghệ Sao Bắc Đầu (MCK:SBD) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. **BCTC kiểm toán năm 2023 (Niên độ tài chính tình từ 1/4 - 31/3)** theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con);

BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

2. Các văn bản giải trình phải công bố thông tin đồng thời cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC gồm:

i) Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (Ý kiến ngoại trừ/ Ý kiến trái ngược/ Từ chối cho ý kiến)?

Có

Không

Văn bản giải trình về ý kiến không chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán:

Có

Không

ii) Lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình LNST thu nhập doanh nghiệp thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

iii) LNST trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình LNST chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:



Có

Không

iv) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 24/06/2024 tại đường dẫn: <https://saobacdau.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



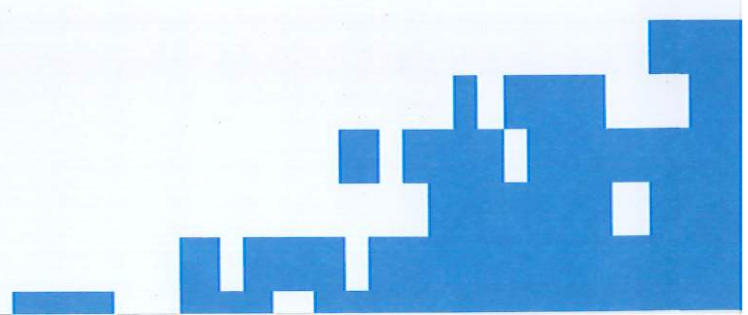
Nguyễn Hồng Minh





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 44

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hào	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30/10/2023)
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Thanh Hương	Thành viên
Bà Trần Thị Mỹ Nhị	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/07/2023)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hồng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 03 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hồng Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2024

RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 688/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 20 tháng 06 năm 2024 từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận cho khoản nợ phải thu dài hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 với số tiền là 19,16 tỷ VND. Đồng thời, với tài liệu hiện có của Tập đoàn, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để có thể cho ý kiến về khoản công nợ phải thu này và các ảnh hưởng (nếu có) tại ngày 31 tháng 03 năm 2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 03 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2023-026-1

Lê Việt Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2024-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/04/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		502.278.312.083	670.681.679.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	25.023.074.308	6.855.067.298
1. Tiền	111		7.023.074.308	6.855.067.298
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	6.623.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.623.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		284.725.013.330	466.868.889.653
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	220.780.385.312	416.665.048.587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.5	19.485.147.885	5.301.974.050
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	906.518.060
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	76.723.166.915	63.710.029.714
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(32.263.686.782)	(19.714.680.758)
IV. Hàng tồn kho	140	4.8	185.450.622.568	196.476.064.514
1. Hàng tồn kho	141		185.458.060.366	196.483.502.312
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.437.798)	(7.437.798)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		456.601.877	481.658.102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		446.642.535	149.568.682
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.933.914	282.584.930
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	4.025.428	49.504.490
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		143.182.185.144	118.284.405.807
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.422.174.295	24.027.645.712
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.4	19.155.005.465	19.155.005.465
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	7.267.168.830	4.872.640.247
II. Tài sản cố định	220		94.339.166.672	67.634.323.121
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	59.644.681.336	55.440.237.622
Nguyên giá	222		182.141.365.273	157.450.490.250
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(122.496.683.937)	(102.010.252.628)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.10	26.600.339.091	9.568.696.476
Nguyên giá	225		42.513.531.155	27.092.114.604
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.913.192.064)	(17.523.418.128)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	8.094.146.245	2.625.389.023
Nguyên giá	228		12.303.338.783	5.553.223.195
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.209.192.538)	(2.927.834.172)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.006.063.413	6.277.155.305
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.006.063.413	6.277.155.305
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	9.987.954.540	10.570.029.005
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.987.954.540	10.570.029.005
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.426.826.224	9.775.252.664
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.412.587.682	9.153.019.346
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.238.542	622.233.318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		645.460.497.227	788.966.085.374

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/04/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		499.540.814.230	661.808.243.913
I. Nợ ngắn hạn	310		481.629.317.377	649.060.896.683
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	127.280.733.661	205.193.857.160
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	28.537.776.381	57.600.899.543
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	5.397.226.563	7.793.005.738
4. Phải trả người lao động	314	4.15	7.202.071.570	7.448.618.306
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	12.509.299.868	10.081.601.205
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9.811.015.195	9.076.652.639
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	8.640.138.061	24.768.162.162
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	282.251.056.078	327.098.099.930
II. Nợ dài hạn	330		17.911.496.853	12.747.347.230
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	14.975.576.906	9.471.598.422
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.366.109.286	1.771.967.942
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		569.810.661	1.503.780.866
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		145.919.682.997	127.157.841.461
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19.1	145.919.682.997	127.157.841.461
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.19.2	135.146.800.000	121.783.800.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		135.146.800.000	121.783.800.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.945.289.372	4.606.794.995
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.606.794.995	842.332.662
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.338.494.377	3.764.462.333
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		827.593.625	767.246.466
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		645.460.497.227	788.966.085.374



Nguyễn Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngô Tiến Mạnh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuận
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	785.786.139.881	871.478.125.089
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		785.786.139.881	871.478.125.089
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	634.332.161.681	718.692.715.620
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		151.453.978.200	152.785.409.469
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.104.134.970	6.226.136.896
6. Chi phí tài chính	22	5.3	37.116.864.246	35.372.608.839
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		34.981.297.795	30.513.801.895
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		338.876.747	1.721.516.814
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	56.198.287.813	50.749.656.160
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	54.347.062.890	76.481.019.674
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.234.774.968	(1.870.221.494)
11. Thu nhập khác	31		10.943.860.775	16.437.992.984
12. Chi phí khác	32		5.940.427.923	855.155.544
13. Lợi nhuận khác	40		5.003.432.852	15.582.837.440
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.238.207.820	13.712.615.946
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	5.636.569.805	2.265.778.474
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.202.136.120	1.180.841.525
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.399.501.895	10.265.995.947
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		5.338.494.377	12.216.192.992
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		61.007.518	(1.950.197.045)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.5	396	1.055
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.6	396	946



Nguyễn Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngô Tiến Mạnh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuần
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CONĐịa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.238.207.820	13.712.615.946
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	30.034.652.286	34.255.553.421
Các khoản dự phòng	03		12.549.006.024	20.719.060.064
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		459.965.399	(2.183.576.013)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.096.656.620)	(2.063.055.201)
Chi phí lãi vay	06	5.3	34.981.297.795	30.513.801.895
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		86.166.472.704	94.954.400.112
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		157.073.633.717	9.081.432.647
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.025.441.946	(58.750.205.745)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(114.774.972.483)	81.064.453.383
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.443.357.811	3.142.571.275
Tiền lãi vay đã trả	14		(34.861.594.233)	(30.136.760.115)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(6.747.784.259)	(24.290.165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99.324.555.203	99.331.601.392
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.678.693.869)	(9.006.982.239)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.672.625.130	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.623.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	953.204.100
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.948.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000.000	1.270.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		807.248.466	290.155.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.821.820.273)	(10.441.622.153)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.19.1	13.363.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	580.902.052.209	612.340.063.049
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(635.586.772.493)	(690.405.220.923)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(12.916.487.417)	(11.796.593.358)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(660.359)	(124.054.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(54.238.868.060)	(89.985.805.557)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		18.263.866.870	(1.095.826.318)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.855.067.298	7.902.645.804
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(95.859.860)	48.247.812
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	25.023.074.308	6.855.067.298



Nguyễn Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngô Tiến Mạnh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuận
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 24 vào ngày 10 tháng 05 năm 2023.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 135.146.800.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2024 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu: Tầng 3, CT1AB, khu đô thị VOV Mỹ Trì - phường Mỹ Trì - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu tại Thành phố Đà Nẵng: Số 02 Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu: 27/14B Cách Mạng Tháng Tám, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/03/2024 là 248 (01/04/2023 là: 242).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

<u>Tên</u>	<u>Ngành nghề hoạt động chính</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; ▪ Bán buôn và bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; ▪ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông 	Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	88,89%	88,89%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy vi tính; ▪ Dịch vụ xử lý dữ liệu; Dịch vụ cơ sở dữ liệu 	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	Phòng 1, Nhà 8, Đường số 13, công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,98%	99,98%

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<u>Tên</u>	<u>Ngành nghề hoạt động chính</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	<ul style="list-style-type: none">Lắp đặt hệ thống mạng nội bộ, hệ thống ăng ten truyền hình và mạng viễn thông, thiết bị bảo vệ - báo động;Hoạt động viễn thông có dây, hoạt động viễn thông không dây, cung cấp dịch vụ Internet.	Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,43%	33,43%
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	833 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	22,27%

1.7. Các công ty liên kết ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Tên</u>	<u>Ngành nghề hoạt động chính</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH	Lập trình máy vi tính	Số 64/1K đường Võ Oanh, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	27,03%	27,03%

Nguyên nhân ngừng hợp nhất quyền lợi là do Tập đoàn chưa thu thập được thông tin tài chính và báo cáo tài chính của công ty liên kết nêu trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40 năm	15 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 05 năm	03 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm	06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm	

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Tòa nhà CT1AB, Khu đô thị VOV Mễ Trì - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là từ 2 năm đến 3 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.17. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí triển khai thực hiện hợp đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài (bảo lãnh, bảo hiểm tài sản,...) và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không được hưởng ưu đãi.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.18. Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, công ty mẹ được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ. Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Nghị định 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ và Thông tư số 03/2021/TT-BTC ngày 11/01/2021 của Bộ tài chính, công ty mẹ được ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.18. Thuế (tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4234430517 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 07 năm 2017, công ty con – Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam thực hiện dự án “Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống” tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Và theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, công ty con này có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, công ty con này được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm tài chính 2017) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm tài chính 2021);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Riêng giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 31 tháng 03 năm 2019 (năm tài chính chuyển đổi niên độ), Tập đoàn lựa chọn nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi là 20% của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN sang các năm kế tiếp theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Doanh thu thiết bị và hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023 và Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024. Cụ thể, một số loại hàng hóa, dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Tiền mặt	215.480.619	214.200.866
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.807.593.689	6.640.866.432
Các khoản tương đương tiền (*)	18.000.000.000	-
Cộng	25.023.074.308	6.855.067.298

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng với lãi suất từ 2,2%/năm đến 3,5%/năm tại các ngân hàng, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	8.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.000.000.000	-
Cộng	18.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 5 tháng – 6 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm tại các ngân hàng, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2024 VND		Tại ngày 01/04/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	4.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	2.123.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	500.000.000	-	-	-
Cộng	6.623.000.000	-	-	-
	Tại ngày 31/03/2024 VND		Tại ngày 01/04/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	6.631.393.955	8.025.348.700	6.631.393.955	7.590.576.931
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	1.960.000.000	170.776.505	1.960.000.000	266.671.527
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH (*)	1.875.000.000	1.791.829.335	1.875.000.000	1.791.829.335
Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas	-	-	2.400.000.000	920.951.212
Cộng	10.466.393.955	9.987.954.540	12.866.393.955	10.570.029.005

(*) Tập đoàn ngừng áp dụng giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào công ty liên kết – Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH là do Tập đoàn chưa thu thập được thông tin tài chính và báo cáo tài chính của công ty liên kết này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024. Theo đó, giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31/03/2024 của công ty liên kết này không thay đổi so với số đầu năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 31/03/2024			Tại ngày 01/04/2023		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (**)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (**)	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	1.200.000.000		(1.200.000.000)	1.200.000.000		(1.200.000.000)

(**) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm Mục 8	418.000.000	1.534.500.000
Phải thu khách hàng:		
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tĩnh	38.282.499.707	38.282.499.707
Tổng Công ty truyền thông	27.878.525.600	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	15.658.878.238	15.658.878.238
Công ty Cổ phần Đầu Tư Đèo Cả	9.767.869.596	52.224.714.138
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin và Hạ tầng Truyền dẫn Vinitis	4.026.533.240	46.967.991.670
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	2.860.000.000	35.596.496.800
Các khách hàng khác (*)	121.888.078.931	226.399.968.034
Cộng	<u>220.780.385.312</u>	<u>416.665.048.587</u>

(*) Tại ngày 31/03/2024, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu dài hạn của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao cho gói thầu cung cấp và lắp đặt hệ thống mạng máy tính, thông tin liên lạc cho công trình (TB-06) thuộc dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao giai đoạn 1. Hiện nay, dự án đang được triển khai tiếp tục cho giai đoạn 2. Khoản phải thu này dự kiến sẽ được khách hàng thanh toán sau khi hoàn tất tổng thể toàn bộ dự án.

4.5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Blue Sky IT Solutions Pty Ltd	7.714.058.097	-
Công ty TNHH First Key	5.770.270.000	-
Các nhà cung cấp khác (*)	6.000.819.788	5.301.974.050
Cộng	<u>19.485.147.885</u>	<u>5.301.974.050</u>

(*) Tại ngày 31/03/2024, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/04/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	616.268.800	-	885.392.000	-
Tạm ứng cho Phòng tài chính để thực hiện dự án kinh doanh	13.500.000.000	-	-	-
Phải thu người lao động	1.418.975.622	-	5.661.070.183	-
Ký quỹ bảo hành công trình cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	51.318.673.019	(10.844.617.857)	51.318.673.019	-
Ký cược, ký quỹ	2.296.938.221	-	2.583.166.396	-
Phải thu khác	7.572.311.253	-	3.261.728.116	-
Cộng	76.723.166.915	(10.844.617.857)	63.710.029.714	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ khác	7.267.168.830	-	4.872.640.247	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.7. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/04/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, ký quỹ quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	73.578.428.258	41.314.741.476	113.492.807.549	93.778.126.791

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, ký quỹ quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2024			Tại ngày 01/04/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	61.086.542.615	40.474.055.162	Trên 3 năm	103.543.387.157	93.778.126.791	Trên 3 năm
<i>Nợ phải thu khách hàng</i>	9.767.869.596	-	<i>Trên 3 năm</i>	52.224.714.138	42.459.453.772	<i>Trên 3 năm</i>
<i>Ký quỹ bảo hành và chờ quyết toán công trình</i>	51.318.673.019	40.474.055.162	<i>Trên 3 năm</i>	51.318.673.019	51.318.673.019	<i>Trên 3 năm</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	4.068.519.000	-	Trên 3 năm	5.513.990.156	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam	5.513.990.156	-	Trên 3 năm	4.084.624.320	-	Trên 3 năm
Khác	2.909.376.487	840.686.314	Trên 3 năm	350.805.916	-	Trên 3 năm
Cộng	73.578.428.258	41.314.741.476		113.492.807.549	93.778.126.791	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/04/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.505.199.294	-
Hàng tại kho Tập đoàn	54.292.488.838	(7.437.798)	15.024.218.054	(7.437.798)
Hàng tại kho triển khai	52.203.443.292	-	112.552.257.023	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	8.461.925	-	73.858.480	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	28.135.394.819	-	24.289.897.580	-
Hàng hóa bất động sản	-	-	1.862.858.455	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.818.271.492	-	40.162.433.426	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	12.780.000	-
Cộng	<u>185.458.060.366</u>	<u>(7.437.798)</u>	<u>196.483.502.312</u>	<u>(7.437.798)</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/04/2023	34.345.180.908	120.177.575.232	2.927.734.110	-	157.450.490.250
Mua trong năm	-	41.020.804.411	-	40.510.609	41.061.315.020
Tặng khác	-	5.922.192.130	-	-	5.922.192.130
Thanh lý, nhượng bán	-	(22.292.632.127)	-	-	(22.292.632.127)
Tại ngày 31/03/2024	34.345.180.908	144.827.939.646	2.927.734.110	40.510.609	182.141.365.273
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/04/2023	14.522.846.074	84.559.672.444	2.927.734.110	-	102.010.252.628
Khấu hao trong năm	1.542.983.928	18.761.327.311	-	6.243.572	20.310.554.811
Tặng khác	-	4.002.758.114	-	-	4.002.758.114
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.826.881.616)	-	-	(3.826.881.616)
Tại ngày 31/03/2024	16.065.830.002	103.496.876.253	2.927.734.110	6.243.572	122.496.683.937
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/04/2023	19.822.334.834	35.617.902.788	-	-	55.440.237.622
Tại ngày 31/03/2024	18.279.350.906	41.331.063.393	-	34.267.037	59.644.681.336

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 18.279.350.917 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 51.278.903.745 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Nguyên giá	42.513.531.155	28.258.142.333	12.836.725.782	27.092.114.604
Giá trị hao mòn lũy kế	(15.913.192.064)	(9.307.065.718)	(10.917.291.782)	(17.523.418.128)
Giá trị còn lại	<u>26.600.339.091</u>			<u>9.568.696.476</u>

4.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/04/2023	3.452.065.974	2.101.157.221	5.553.223.195
Mua trong năm	6.750.115.588	-	6.750.115.588
Tại ngày 31/03/2024	<u>10.202.181.562</u>	<u>2.101.157.221</u>	<u>12.303.338.783</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/04/2023	2.927.834.172	-	2.927.834.172
Khấu hao trong năm	1.281.358.366	-	1.281.358.366
Tại ngày 31/03/2024	<u>4.209.192.538</u>	<u>-</u>	<u>4.209.192.538</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/04/2023	524.231.802	2.101.157.221	2.625.389.023
Tại ngày 31/03/2024	<u>5.992.989.024</u>	<u>2.101.157.221</u>	<u>8.094.146.245</u>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.203.634.763 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/04/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	127.897.147	127.897.147	463.410.339	463.410.339
Phải trả người bán:				
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Quốc tế Thăng Long	29.887.270.000	29.887.270.000	29.887.270.000	29.887.270.000
Công ty TNHH Công nghệ AZT Việt Nam	20.720.167.902	20.720.167.902	-	-
Cisco International Limited	10.747.965.333	10.747.965.333	15.911.293.109	15.911.293.109
Avu Pty Ltd	8.311.177.132	8.311.177.132	31.916.526.673	31.916.526.673
Các đối tượng khác (*)	57.486.256.147	57.486.256.147	127.015.357.039	127.015.357.039
Cộng	127.280.733.661	127.280.733.661	205.193.857.160	205.193.857.160

(*) Tại ngày 31/03/2024, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/04/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cảng Long An	8.541.763.301	5.694.508.867
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.475.446.600	-
Trung tâm Internet Việt Nam	4.078.960.500	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	161.488.232	13.322.019.319
Ngân hàng Chính sách Xã hội	-	7.609.280.000
Ban quản lý Dự án Chuyển đổi số Ngành tài nguyên và Môi trường	-	6.656.734.000
Các khách hàng khác (*)	10.280.117.748	24.318.357.357
Cộng	28.537.776.381	57.600.899.543

(*) Tại ngày 31/03/2024, mỗi khoản trả tiền trước từ các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số người mua trả tiền trước ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/03/2024		Trong năm		Tại ngày 01/04/2023	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	52.999	3.513.738.178	89.187.694.947	89.680.940.327	-	4.006.930.559
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.295.215	1.522.910.098	1.523.960.654	-	3.345.771
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.105.059.530	5.636.569.805	6.747.784.259	49.504.490	2.265.778.474
Thuế thu nhập cá nhân	972.429	776.133.640	4.630.320.118	4.084.585.363	-	229.426.456
Các loại thuế khác	3.000.000	-	952.700.074	2.243.224.552	-	1.287.524.478
Cộng	4.025.428	5.397.226.563	101.930.195.042	104.280.495.155	49.504.490	7.793.005.738

4.15. Phải trả người lao động

Là khoản lương thưởng năm tài chính 2023 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/03/2024.

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là các khoản chi phí phục vụ cho các dự án đã thực hiện và cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn nhưng chưa có hóa đơn, chứng từ tại ngày 31/03/2024.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.17. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Các khoản cho mượn phải trả	4.612.000.000	-
Cổ tức còn phải trả	2.038.942.375	2.038.942.375
Kinh phí công đoàn	569.199.156	1.372.357.902
Nhận ứng trước tiền mua cổ phần sẽ phát hành thêm tại công ty mẹ	-	18.335.947.000
Phải trả tiền mua lại cổ phần từ các cổ đông khác tại công ty con – Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	-	1.048.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.419.996.530	1.972.914.885
Cộng	8.640.138.061	24.768.162.162
Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	5.647.637.750	1.647.637.750

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/03/2024		Trong năm		Tại ngày 01/04/2023	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	268.133.992.137	268.133.992.137	580.902.052.209	631.832.512.278	319.064.452.206	319.064.452.206
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	3.754.260.215	3.754.260.215	3.754.260.215	3.754.260.215	3.754.260.215	3.754.260.215
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	10.362.803.726	10.362.803.726	18.999.903.634	12.916.487.417	4.279.387.509	4.279.387.509
Cộng	282.251.056.078	282.251.056.078	603.656.216.058	648.503.259.910	327.098.099.930	327.098.099.930
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	6.569.954.299	6.569.954.299	-	3.754.260.215	10.324.214.514	10.324.214.514
Trừ vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	(3.754.260.215)	(3.754.260.215)	(3.754.260.215)	(3.754.260.215)	(3.754.260.215)	(3.754.260.215)
Nợ thuê tài chính	22.522.686.548	22.522.686.548	28.258.142.333	12.916.487.417	7.181.031.632	7.181.031.632
Trừ nợ thuê tài chính đến hạn trả	(10.362.803.726)	(10.362.803.726)	(18.999.903.634)	(12.916.487.417)	(4.279.387.509)	(4.279.387.509)
Cộng	14.975.576.906	14.975.576.906	5.503.978.484	-	9.471.598.422	9.471.598.422
Tổng cộng	297.226.632.984	297.226.632.984	609.160.194.542	648.503.259.910	336.569.698.352	336.569.698.352

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2024			Tại ngày 01/04/2023		
	VND			VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Thời hạn:						
Từ 1 năm trở xuống	10.362.803.726	1.839.940.706	8.522.863.020	4.279.387.509	465.219.339	3.814.168.170
Trên 1 năm đến 5 năm	12.159.882.824	1.405.128.306	10.754.754.518	2.901.644.123	142.323.668	2.759.320.455
Cộng	22.522.686.550	3.245.069.012	19.277.617.538	7.181.031.632	607.543.007	6.573.488.625

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay bằng VND, tổng hạn mức vay là 740 tỷ VND, có thời hạn 1 năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 7,8%/năm đến 10,6%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U14b-16a, đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại là 5.963.516.221 VND;
- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại là 2.710.764.287 VND – Xem thêm Mục 4.9;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Các khoản vay ngân hàng dài hạn là các khoản vay bằng VND, tổng hạn mức vay 20 tỷ VND, có thời hạn 5 năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất 8,5%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Mặt bằng tòa nhà văn phòng Hà Nội với giá trị còn lại là 15.568.586.630 VND – Xem thêm Mục 4.9;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng.

Nợ thuê tài chính là các khoản nợ theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease có thời hạn từ 2 đến 4 năm, chịu lãi suất từ 7,1%/năm đến 10,92%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/04/2022	115.000.000.000	7.626.132.662	(738.287.148)	121.887.845.514
Lãi trong năm trước	-	12.216.192.992	(1.950.197.045)	10.265.995.947
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm tài chính 2021 (*)	6.783.800.000	(6.783.800.000)	-	-
Tăng, giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	(8.451.730.659)	3.455.730.659	(4.996.000.000)
Tại ngày 01/04/2023	121.783.800.000	4.606.794.995	767.246.466	127.157.841.461
Tăng vốn trong năm nay (*)	13.363.000.000	-	-	13.363.000.000
Lãi trong năm nay	-	5.338.494.377	61.007.518	5.399.501.895
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(660.359)	(660.359)
Tại ngày 31/03/2024	135.146.800.000	9.945.289.372	827.593.625	145.919.682.997

(*) Tăng vốn trong năm nay được thực hiện qua các chương trình chào bán như sau:

Chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động:

Vào ngày 02 tháng 03 năm 2023, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 949/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo về việc đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Tập đoàn. Việc phát hành cổ phiếu này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 01/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/2022/NQ-HĐQT ngày 07/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 39/2022/NQ-HĐQT ngày 23/12/2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 14/02/2023 với phương án phát hành 570.000 cổ phiếu, tương ứng 4,68% lượng cổ phiếu đang lưu hành theo phương thức chào bán trực tiếp cho cán bộ nhân viên chủ chốt của Tập đoàn với mục đích nhằm gắn kết lợi ích của người lao động với hiệu quả hoạt động của Tập đoàn, tăng tính cạnh tranh và tinh thần gắn kết của cán bộ nhân viên và phương án sử dụng vốn dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động cho Tập đoàn.

Việc chào bán đã được hoàn thành vào ngày 14 tháng 04 năm 2023, với tổng số cổ phiếu đã bán là 486.300 cổ phiếu cho cán bộ nhân viên chủ chốt của Tập đoàn với mức giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng 85,32% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.

Vào ngày 24 tháng 04 năm 2023, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 2130/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Tập đoàn. Theo đó, số lượng cổ phiếu Tập đoàn đã phát hành là 486.300 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19.1. Bảng đối chiếu biến động vốn của chủ sở hữu (tiếp theo)**Chào bán cổ phiếu riêng lẻ:

Vào ngày 16 tháng 02 năm 2023, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 677/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo về việc đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Tập đoàn. Việc chào bán cổ phiếu này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 01/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/2022/NQ-HĐQT ngày 07/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 23/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 41/2022/NQ-HĐQT ngày 23/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 44/2022/NQ-HĐQT ngày 30/12/2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 45/2022/NQ-HĐQT ngày 30/12/2022 với phương án đăng ký chào bán 1.200.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 VND/cổ phiếu với mục đích huy động nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và phương án sử dụng vốn dùng để thanh toán nợ phải trả của Tập đoàn.

Việc chào bán đã được hoàn thành vào ngày 14 tháng 04 năm 2023, với tổng số cổ phiếu đã bán là 850.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư với mức giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng 70,83% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.

Vào ngày 24 tháng 04 năm 2023, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 2129/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Tập đoàn. Theo đó, số lượng cổ phiếu Tập đoàn đã phát hành là 850.000 cổ phiếu.

Vốn điều lệ (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Tập đoàn sau các đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng từ 121.783.800.000 VND lên 135.146.800.000 VND.

4.19.2. CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	19.992.780.000	19.992.780.000
Cổ đông khác	115.154.020.000	101.791.020.000
Cộng	135.146.800.000	121.783.800.000

4.19.3. Các giao dịch về vốn của chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp tại ngày 01/04	121.783.800.000	115.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm – chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	6.783.800.000
Vốn góp tăng trong năm – chào bán cổ phiếu	13.363.000.000	-
Vốn góp tại ngày 31/03	135.146.800.000	121.783.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/04/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	13.514.680	12.178.380
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.514.680	12.178.380
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.514.680	12.178.380

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.19.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	5.338.494.377	12.216.192.992
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.338.494.377	12.216.192.992
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	13.467.086	11.583.636
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	396	1.055

4.19.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	5.338.494.377	12.216.192.992
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.338.494.377	12.216.192.992
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.467.086	11.583.636
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm theo chương trình lựa chọn cho người lao động	-	486.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm theo chương trình chào bán cổ phiếu riêng lẻ	-	850.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.467.086	12.919.936
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	396	946

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/04/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	30.686,68	1.626,23

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	731.145.995.662	608.696.114.633
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.640.144.219	262.782.010.456
Cộng	785.786.139.881	871.478.125.089
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	4.565.000.000	5.861.350.000

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	584.494.362.865	536.161.774.778
Giá vốn cung cấp dịch vụ	49.837.798.816	182.530.940.842
Cộng	634.332.161.681	718.692.715.620

5.3. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	34.981.297.795	30.513.801.895
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.675.601.052	3.854.427.638
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	459.965.399	-
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	1.004.379.306
Cộng	37.116.864.246	35.372.608.839
Trong đó, chi phí lãi vay từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	364.068.496	1.249.999.042

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	42.984.176.346	39.327.943.135
Chi phí bảo hành	23.154.942	452.027.412
Chi phí pre-sales	188.432.363	824.255.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.542.447.754	6.241.392.442
Chi phí bằng tiền khác	6.460.076.408	3.904.037.652
Cộng	56.198.287.813	50.749.656.160

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	26.903.897.087	35.085.717.281
Chi phí vật liệu quản lý	1.720.990.669	1.830.962.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.019.071.124	4.908.766.968
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.549.006.024	19.714.680.758
Thuế, phí và lệ phí	79.570.494	124.591.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.031.260.386	10.314.823.351
Chi phí bằng tiền khác	3.043.267.106	4.501.477.595
Cộng	<u>54.347.062.890</u>	<u>76.481.019.674</u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay giảm mạnh chủ yếu do chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi giảm và chi phí nhân viên giảm do số lượng nhân viên quản lý giảm.

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	468.185.768.311	545.164.127.837
Chi phí nhân công	72.586.132.307	77.965.959.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.034.652.286	34.255.553.421
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.549.006.024	19.714.680.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.389.617.153	180.876.520.310
Chi phí khác bằng tiền	17.788.174.369	14.140.178.156
Cộng	<u>755.533.350.450</u>	<u>872.117.020.435</u>

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN được áp dụng tại từng công ty trong Tập đoàn.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	580.902.052.209	612.340.063.049

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(635.586.772.493)	(690.405.220.923)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại TP. Hồ Chí Minh. Do vậy, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Công nghệ QI | Công ty liên kết |
| 2. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH | Công ty liên kết |
| 3. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/03/2024 VND</u>	<u>Tại ngày 01/04/2023 VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm Mục 4.3:		
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	418.000.000	1.534.500.000
	<u>Tại ngày 31/03/2024 VND</u>	<u>Tại ngày 01/04/2023 VND</u>
Phải thu khác về tiền tạm ứng:		
Ông Trần Tuyên Đức	595.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Đức Quang	21.268.800	-
Phải thu khác về cổ tức được chia:		
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	-	735.392.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.6	<u>616.268.800</u>	<u>885.392.000</u>
	<u>Tại ngày 31/03/2024 VND</u>	<u>Tại ngày 01/04/2023 VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.12:		
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	(127.897.147)	(463.410.339)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/04/2023 VND
Các khoản cho mượn phải trả:		
Công ty Cổ phần Công nghệ QI	(4.500.000.000)	-
Ông Nguyễn Đức Quang	-	(850.000.000)
Ông Đỗ Văn Hào	-	(400.000.000)
Nhận ứng trước tiền mua cổ phần mà Công ty sẽ phát hành thêm:		
Ông Nguyễn Xuân Trường	-	(250.000.000)
Nhận ứng trước tiền chuyển nhượng vốn:		
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH	(1.100.000.000)	(100.000.000)
Cổ tức còn phải trả:		
Ông Đặng Nam Sơn	(47.637.750)	(47.637.750)
Cộng – Xem thêm Mục 4.17	<u>(5.647.637.750)</u>	<u>(1.647.637.750)</u>

Trong năm, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	4.565.000.000	5.821.350.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	-	40.000.000
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	<u>4.565.000.000</u>	<u>5.861.350.000</u>
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	243.619.997	619.035.583

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay, chi phí sử dụng vốn:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	364.068.496	4.520.548
Ông Lê Hồng Phong	-	868.436.714
Ông Nguyễn Đức Quang	-	377.041.780
Cộng – Xem thêm Mục 5.3	364.068.496	1.249.999.042

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch HĐQT	653.000.000	589.833.333
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 16/07/2022)	-	370.000.000
Ông Đỗ Văn Hào	Phó Chủ tịch HĐQT	527.000.000	527.333.333
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 30/10/2023)	462.500.000	194.000.000
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó chủ tịch (miễn nhiệm ngày 16/07/2022)	-	226.200.000
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên HĐQT	191.000.000	120.391.304
Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa	Thành viên HĐQT	191.000.000	120.391.304
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên HĐQT	443.300.000	1.168.400.000
Ông Nguyễn Hồng Minh	Tổng Giám đốc	1.456.554.545	-
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Tổng Giám đốc	851.000.000	298.000.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	940.100.000	972.052.381
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03/04/2023)	-	878.584.524
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng BKS	154.454.545	126.701.183
Bà Đặng Thị Thanh Hương	Thành viên BKS	140.600.000	90.400.000
Ông Ngô Tiến Mạnh	Thành viên BKS (bỏ nhiệm ngày 16/07/2022 và từ nhiệm ngày 23/08/2022)	-	27.717.391
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 16/07/2022)	-	26.400.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 16/07/2022)	-	24.000.000
Cộng		6.010.509.090	5.760.404.753

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Tập đoàn đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 4 năm theo các hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 2 đến 4 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai đã được trình bày ở Mục 4.18.

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm trước VND (Được báo cáo lại)	Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí bán hàng	50.749.656.160	39.481.463.693
Chi phí quản lý doanh nghiệp	76.481.019.674	87.749.212.141

Việc báo cáo lại thông tin so sánh các chỉ tiêu nêu trên là do trình bày lại cho phù hợp chi phí lương của nhân viên bộ phận bán hàng.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 22/05/2024, ông Trần Anh Tuấn (sở hữu 8,77% vốn cổ phần tại Tập đoàn) đã bán lại toàn bộ số cổ phiếu sở hữu cho các cổ đông hiện hữu và đã không còn là cổ đông lớn tại Tập đoàn.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/03/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.



Nguyễn Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngô Tiến Mạnh
Kế toán trưởng

Phan Việt Thuận
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2024